

Tăng tỷ trọng

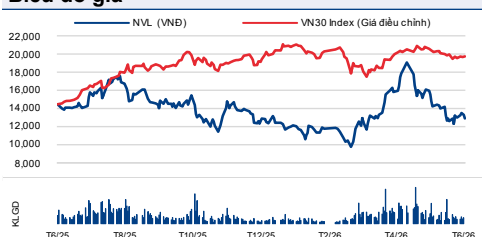
Giá mục tiêu: VNĐ16,744

Tiềm năng tăng/giảm: 29.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/6/2026)	12,900
Mã Bloomberg	NVL VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,767-19,069
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	13,260
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	30,953
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,176
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,399
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,118
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,003
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.13%
Tỷ lệ freefloat	68.2%
Cổ đông lớn	NovaGroup (17.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	6,966	12,429	17,449
EBITDA đc (tỷ đồng)	4,511	3,270	4,845
LNTT (tỷ đồng)	3,027	3,206	4,597
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,722	2,162	3,099
FCF (tỷ đồng)	(6,169)	(687)	3,602
EPS ĐC (đồng)	717	901	1,291
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	18,896	19,806	21,107
T.trưởng EBITDA (%)	303	(27.5)	48.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	124	25.3	42.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	64.8	26.3	27.8
Tỷ suất LNTT (%)	43.5	25.8	26.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.0	17.6	17.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	184	175	167
ROAE (%)	4.19	4.70	6.36
ROACE (%)	2.45	2.08	3.11
EV/doanh thu (lần)	13.5	7.63	5.23
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.8	29.0	18.8
P/E ĐC (lần)	18.0	14.3	9.99
P/B (lần)	0.68	0.65	0.61
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

NVL là nhà phát triển khu dân cư phân khúc trung cấp đến cao cấp uy tín tại TP.HCM. Công ty cũng mở rộng sang phát triển các thành phố vệ tinh & BDS nghỉ dưỡng

Chuyên viên phân tích

Đoàn Bảo Anh Tuấn

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Giảm đòn bẩy bằng cách huy động đáng kể vốn cổ phần

- Novaland gần đây đã xin ý kiến cổ đông thông qua một số phương án, bao gồm phát hành riêng lẻ, chào bán ra công chúng và ESOP, với tổng giá trị huy động vốn cổ phần dự kiến khoảng 17,4 nghìn tỷ đồng.
- Tổng số cổ phiếu mới điều chỉnh từ phát hành riêng lẻ và ESOP là 911,7 triệu cổ phiếu, tương đương 22% số cổ phiếu đang lưu hành sau các đợt chào bán ra công chúng. Mức độ pha loãng dự kiến sẽ đáng kể nhưng nguồn vốn mới là yếu tố then chốt để Công ty xử lý các khoản nợ quá hạn tồn đọng và khôi phục hoạt động xây dựng.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố các tờ trình phát hành cổ phiếu để tăng vốn

Novaland đã công bố các tờ trình cập nhật (Tờ trình 29, 30 và 31) vào ngày 18/6 để xin ý kiến cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong khi Tờ trình số 29 đưa ra phương án chào bán ra công chúng mới, Tờ trình số 30 và 31 sửa đổi các điều khoản của các phương án phát hành riêng lẻ và ESOP đã được lên kế hoạch trước đó.

Các sửa đổi này điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động theo hướng ưu tiên thanh toán nợ, đồng thời siết chặt quản trị doanh nghiệp và điều kiện tham gia ESOP.

Lưu ý, cả đợt phát hành riêng lẻ và ESOP sẽ được thực hiện sau đợt chào bán ra công chúng sắp tới.

1. Đợt chào bán ra công chúng sắp tới – Tờ trình số 29

Mới được đề xuất: NVL dự kiến phát hành 800,7 triệu cổ phiếu (tương đương 33,3% số cổ phiếu đang lưu hành) để huy động 8.007 tỷ đồng.

- Tỷ lệ thực hiện quyền:** Cố định ở mức 3:1
- Giá phát hành:** cố định ở mức 10.000đ/cp.
- Điều khoản hạn chế chuyển nhượng:** Không áp dụng hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông mua trực tiếp thông qua quyền mua. Tuy nhiên, thời hạn hạn chế chuyển nhượng 1 năm sẽ áp dụng nếu HĐQT phân phối lại số cổ phiếu chưa bán hết cho bên thứ ba hoặc chủ nợ.
- Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động:** Ưu tiên thanh toán nợ ngay và tái cấu trúc bảng CĐKT, phần còn lại dùng để bổ sung vốn lưu động.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch tăng vốn của NVL

Kế hoạch tăng vốn	Cổ phiếu (triệu)	Nguồn vốn huy động (tỷ đồng)	Xác định giá (đồng/cp)
Phát hành ra công chúng	800.7	8,007	10.000đ
2026 ESOP	111.7	1,117	10.000đ
Phát hành riêng lẻ	800.0	*8,296	≥75% giá đóng cửa bình quân của 30 phiên gần nhất (hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm)
Tổng cộng	1,712.4	17,420	

* Nguồn vốn huy động từ phát hành riêng lẻ được tính theo mức giá bằng 75% giá đóng cửa bình quân 30 phiên tính đến ngày 23/6, tương ứng giá phát hành 10.370 đồng/cổ phiếu
Nguồn: NVL, HSC

Bảng 2: Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành, NVL

Sự kiện	Số cổ phiếu mới (triệu cp)	Tổng số cổ phiếu lưu hành sau phát hành (triệu cp)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	2,402
Phát hành ra công chúng	800.7	3,202
2026 ESOP	111.7	3,314
Phát hành riêng lẻ	800.0	4,114
Tổng	1,712.4	4,114

Nguồn: NVL, HSC

2. Siết chặt chương trình ESOP năm 2026 – Tờ trình số 30

Không thay đổi: Chương trình ESOP sắp tới dự kiến phát hành 111.724.823 cổ phiếu (tương đương 3,4% tổng số cổ phiếu đang lưu hành sau đợt chào bán ra công chúng, trên cơ sở 3,2 tỷ cổ phiếu)

- **Giá phát hành:** cố định ở mức 10.000đ/cp.
- **Điều khoản hạn chế chuyển nhượng:** áp dụng thời hạn hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

Sửa đổi:

- **Thay đổi đối tượng đủ điều kiện tham gia:** Loại trừ hoàn toàn HĐQT. Việc phân bổ chỉ giới hạn cho Ban Tổng giám đốc và nhân sự chủ chốt, được chia thành Nhóm 1 (cấp bậc từ 10 trở lên và có đóng góp tích cực vào quá trình tái cấu trúc) và Nhóm 2 (cấp bậc từ 7 trở lên, không thuộc Nhóm 1, và có đánh giá hiệu quả công việc cao).
- **Các trường hợp loại trừ nghiêm ngặt:** Không đủ điều kiện nếu đã nghỉ việc, đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị giáng chức/sa thải trong vòng 1 năm. Bắt buộc phải có quốc tịch Việt Nam và ngày bắt đầu làm việc là trước ngày 22/6/2025.

3. Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ phát hành riêng lẻ – Tờ trình số 31

Không thay đổi: Công ty dự kiến phát hành tối đa 800 triệu cổ phiếu (tương đương 23,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành sau đợt chào bán ra công chúng, trên cơ sở 3,2 tỷ cổ phiếu), áp dụng hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

Sửa đổi:

- **Cơ chế định giá:** Giá phát hành tối thiểu được xác định bằng 75% giá đóng cửa bình quân 30 phiên. Nếu có bất kỳ sự kiện doanh nghiệp nào (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, phát hành quyền mua) diễn ra trong giai đoạn 30 phiên này, giá đóng cửa trước ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức để đảm bảo tính chính xác của giá phát hành. Cơ chế này thay thế cho phương án trước đó là 10.000đ/cp.
- **Điều chỉnh mục đích sử dụng vốn huy động:** Thay thế 5 mục phân bổ ban đầu bằng 2 nhóm ưu tiên:
 - **Ưu tiên 1:** Thanh toán các khoản nợ tồn đọng, nghĩa vụ tài chính và các khoản phải trả của cả công ty mẹ và các công ty con (thông qua các khoản vay nội bộ hoặc góp vốn).
 - **Ưu tiên 2:** Phân bổ phần còn lại cho vốn lưu động chung và nhu cầu hoạt động.

Nhận định của HSC: Chúng tôi chưa nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến các nhà đầu tư tham gia đợt phát hành riêng lẻ. Theo chúng tôi, phương

án ESOP và phát hành riêng lẻ được đề xuất có thể khiến cổ đông hiện hữu chịu mức pha loãng đáng kể, với tỷ lệ pha loãng tiềm năng khoảng 22%.

Quy mô phát hành vốn cổ phần chưa từng có này cũng cho thấy các lựa chọn huy động vốn thay thế của NVL còn hạn chế trong bối cảnh lãi suất ở mức cao, điều kiện tín dụng thắt chặt đối với lĩnh vực BĐS, cũng như tiến độ bán tài sản kéo dài. Do đó, nếu thực hiện thành công, đợt phát hành sẽ giúp cung cấp nguồn vốn mới nhằm hỗ trợ xử lý một phần các nghĩa vụ nợ quá hạn tồn đọng và nổi lại một số hoạt động xây dựng tại các dự án trọng điểm.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với NVL.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	9,073	6,966	12,429	17,449	22,053
Lợi nhuận gộp	83.6	4,425	5,576	7,310	11,198
Chi phí BH&QL	(1,984)	(1,901)	(2,346)	(2,504)	(2,644)
Thu nhập khác	406	2,174	0	0	0
Chi phí khác	(2,285)	(1,209)	0	0	0
EBIT	(3,780)	3,490	3,230	4,805	8,554
Lãi vay thuần	(291)	(148)	(239)	(238)	(207)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(6.16)	22.2	22.2	22.2	22.2
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	1,521	(336)	193	7.06	307
LN TT	(2,556)	3,027	3,206	4,597	8,677
Chi phí thuế TNDN	(1,839)	(1,166)	(641)	(919)	(1,735)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2,060)	(118)	(380)	(557)	(1,265)
LNST không thường xuyên	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	(6,455)	1,744	2,185	3,121	5,676
Lợi nhuận thuần ĐC	(6,449)	1,722	2,162	3,099	5,654
EBITDA ĐC	(2,220)	4,511	3,270	4,845	8,592
EPS (đồng)	(3,079)	727	910	1,301	2,366
EPS ĐC (đồng)	(3,076)	717	901	1,291	2,356
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,096	2,399	2,399	2,399	2,399
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,096	2,399	2,399	2,399	2,399
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,096	2,399	2,399	2,399	2,399

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	4,608	4,395	4,993	5,163	10,040
Đầu tư ngắn hạn	31.3	53.8	53.8	53.8	53.8
Phải thu khách hàng	54,813	46,998	42,764	44,862	46,939
Hàng tồn kho	146,607	153,324	161,005	168,850	181,467
Các tài sản ngắn hạn khác	1,771	2,081	1,959	1,848	1,748
Tổng tài sản ngắn hạn	207,831	206,852	210,774	220,777	240,248
TSCĐ hữu hình	1,876	1,839	1,826	1,812	1,801
TSCĐ vô hình	62.0	61.0	60.9	60.7	60.5
Bất động sản đầu tư	5,737	5,151	5,102	5,053	5,004
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,411	4,997	4,997	4,997	4,997
Tài sản dài hạn khác	20,861	31,007	25,852	21,520	21,151
Tổng tài sản dài hạn	29,947	43,056	37,838	33,442	33,013
Tổng cộng tài sản	237,778	249,908	248,612	254,219	273,261
Nợ ngắn hạn	36,978	31,718	31,718	37,962	46,908
Phải trả người bán	8,467	8,068	8,268	8,168	8,218
Nợ ngắn hạn khác	34,953	33,729	31,578	30,608	30,575
Tổng nợ ngắn hạn	107,222	95,997	91,806	101,849	119,345
Nợ dài hạn	24,588	35,673	37,179	27,481	20,343
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	14,632	15,847	15,847	17,432	19,175
Nợ dài hạn khác	44,045	43,498	42,322	42,322	42,322
Tổng nợ dài hạn	83,265	95,018	95,349	87,235	81,840
Tổng nợ phải trả	190,487	191,015	187,154	189,084	201,185
Vốn chủ sở hữu	37,834	45,339	47,524	50,644	56,320
Lợi ích cổ đông thiểu số	9,457	13,554	13,934	14,491	15,756
Tổng vốn chủ sở hữu	47,291	58,893	61,458	65,135	72,076
Tổng nợ phải trả và VCSH	237,778	249,908	248,612	254,219	273,261
BVPS (đ)	18,047	18,896	19,806	21,107	23,472
Nợ thuần*/(tiền mặt)	56,958	62,995	63,905	60,280	57,211

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	(3,780)	3,490	3,230	4,805	8,554
Khấu hao	(1,553)	(1,044)	(62.2)	(62.2)	(59.9)
Lãi vay thuần	(291)	(148)	(239)	(238)	(207)
Thuế TNDN đã nộp	(1,839)	(1,166)	(641)	(919)	(1,735)
Thay đổi vốn lưu động	(3,518)	(6,037)	(8,826)	(4,573)	(4,416)
Khác	1,904	(3,328)	327	131	422
LCT thuần từ HKKD	(5,971)	(6,145)	(6,087)	(731)	2,678
Đầu tư TS dài hạn	(5.67)	(23.8)	5,400	4,333	369
Góp vốn & đầu tư	(2,927)	(11,717)	0	0	0
Thanh lý	5,831	16,215	0	0	0
Khác	1,311	(4,207)	(222)	22.2	22.2
LCT thuần từ HĐĐT	4,210	266	5,178	4,355	391
Cổ tức trả cho CSH	(0.03)	(0.00)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	(0.41)	438	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,957	5,229	1,506	(3,454)	1,808
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,956	5,667	1,506	(3,454)	1,808
Tiền & tương đương tiền đầu kì	3,413	4,608	4,395	4,993	5,163
LCT thuần trong kỳ	1,195	(212)	597	170	4,877
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.00)	(0.00)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	4,608	4,395	4,993	5,163	10,040
Dòng tiền tự do	(5,977)	(6,169)	(687)	3,602	3,047

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	0.92	63.5	44.9	41.9	50.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(24.5)	64.8	26.3	27.8	39.0
Tỷ suất LNT (%)	(71.1)	25.0	17.6	17.9	25.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	(72.0)	38.5	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	90.7	(23.2)	78.4	40.4	26.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(246)	303	(27.5)	48.2	77.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(952)	127	25.6	43.3	82.5
Tăng trưởng EPS (%)	(1,166)	124	25.3	42.9	81.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(952)	123	25.6	43.3	82.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(17.0)	4.19	4.70	6.36	10.6
ROACE (%)	(2.65)	2.45	2.08	3.11	5.59
Vòng quay tài sản (lần)	0.04	0.03	0.05	0.07	0.08
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.58	(1.76)	(1.88)	(0.15)	0.31
Số ngày tồn kho	5,952	22,028	8,575	6,078	6,102
Số ngày phải thu	2,226	6,752	2,278	1,615	1,578
Số ngày phải trả	344	1,159	440	294	276
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	201	184	175	167	160
Nợ/tài sản (%)	33.8	35.1	35.4	35.3	36.6
EBIT/lãi vay (lần)	(13.0)	23.5	13.5	20.2	41.4
Nợ/EBITDA (lần)	(36.1)	19.4	26.8	18.4	11.6
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.94	2.15	2.30	2.17	2.01
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	9.26	13.5	7.63	5.23	4.00
EV/EBITDA ĐC (lần)	(37.8)	20.8	29.0	18.8	10.3
P/E (lần)	N/a	17.8	14.2	9.92	5.45
P/E ĐC (lần)	N/a	18.0	14.3	9.99	5.47
P/B (lần)	0.71	0.68	0.65	0.61	0.55
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn